

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**PHẠM THỊ MAI TRINH**

**TÍNH GIÁ THÀNH DỰA TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG**  
**Ở CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN**  
**MỘT THÀNH VIÊN MDF VINAFOR GIA LAI**

**Chuyên ngành: Kế toán**

**Mã ngành: 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2013**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGÔ HÀ TẤN**

Phản biện 1: **PGS.TS. TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYỄN**

Phản biện 2: **TS. VĂN THỊ THÁI THU**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày  
13 tháng 03 năm 2013.

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, tại Công ty TNHH MTV MDF Vinafor Gia Lai, chi phí sản xuất chung chiếm tỷ trọng tương đối cao trong giá thành sản phẩm, tỷ trọng này có xu hướng gia tăng bởi điều kiện sản xuất ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, ở Công ty việc tính toán phân bổ chi phí sản xuất chung cho các sản phẩm được tiến hành theo một tỷ lệ duy nhất, tỷ lệ này được xây dựng dựa vào doanh thu của các sản phẩm. Sự phân bổ theo mô hình truyền thống như vậy là không chính xác vì tiêu thức phân bổ đơn giản. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm ở Công ty.

Một phương pháp tính giá thành mới được thiết kế nhằm khắc phục nhược điểm của phương pháp tính giá thành hiện tại ở Công ty, đó là phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động ( ABC-Activities Based Costing). Đây là phương pháp tính giá được sử dụng để tính chi phí chung vào các đối tượng chi phí được hợp lý hơn. Theo phương pháp ABC, chi phí được theo dõi một cách cụ thể cho từng hoạt động gắn liền với từng loại sản phẩm, vì thế thông tin giá thành được cung cấp bởi hệ thống ABC có mức độ chính xác cao hơn.

Trên cơ sở đó, tác giả chọn đề tài "*Tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động ở Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên MDF Vinafor Gia Lai*"

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động để ứng dụng phương pháp này ở Công ty TNHH một thành viên MDF Vinafor Gia Lai.

Phân tích những đặc điểm của quá trình sản xuất ván MDF ở Công ty MDF Vinafor Gia Lai. Từ đó vận dụng phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động cho Công ty.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***a) Đối tượng nghiên cứu:***

Nghiên cứu vận dụng phương pháp ABC vào thực tiễn ở Công ty TNHH một thành viên MDF Vinafor Gia Lai.

#### ***b) Phạm vi nghiên cứu:***

Đề tài chỉ giới hạn nghiên cứu kế toán chi phí và tính giá thành ở các đơn vị và bộ phận sản xuất chế biến sản phẩm ván sợi ép từ nguyên liệu rừng trồng.

### **4. Phương pháp nghiên cứu:**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp khảo sát, phân tích, tổng hợp để trình bày vấn đề tính giá thành tại Công ty.

Ngoài ra, đề tài sử dụng nguồn số liệu từ việc quan sát trực tiếp toàn bộ quá trình hoạt động và công tác kế toán tại Công ty, kết hợp với phỏng vấn những người có liên quan và minh họa bằng những số liệu lấy từ phòng Tài chính- Kế toán, phòng Kế hoạch- Thị trường của Công ty.

### **5. Bộ cục đề tài**

Chương 1: Cơ sở lý luận về tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động ( phương pháp ABC)

Chương 2: Thực trạng công tác tính giá thành ở Công ty TNHH MTV MDF Vinafor Gia Lai.

Chương 3: Vận dụng phương pháp tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động ở Công ty TNHH MTV MDF Vinafor Gia Lai.

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Một phương pháp tính giá thành mới được thiết kế nhằm khắc phục các nhược điểm của những hệ thống tính giá thành truyền thống, đó là hệ thống tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC – Activities Based Costing). Robin Cooper, Robert Kaplan, và H. Thomas Johnson là những người đầu tiên đưa ra phương pháp ABC.

Những năm gần đây, thông qua nhiều cách tiếp cận và giải quyết vấn đề khác nhau, các tác giả đã từng bước góp phần định hướng vận dụng phương pháp tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động trong doanh nghiệp.

Tác giả đã đọc và kế thừa một số giáo trình và luận văn của một số tác giả.

Các nghiên cứu của các tác giả đã hệ thống các nội dung cơ bản về tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động và đề xuất phương hướng vận dụng phương pháp ABC vào các ngành cụ thể theo phạm vi nghiên cứu của đề tài. Còn đề tài của tác giả cũng có hướng nghiên cứu ở một doanh nghiệp đặc thù, đó là nghiên cứu vận dụng phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC) cho ngành sản xuất ván sợi ép nhằm mục đích giá thành được chính xác hơn.

## **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÍNH GIÁ THÀNH DỰA TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG (PHƯƠNG PHÁP ABC)**

### **1.1 KHÁI QUÁT VỀ PHƯƠNG PHÁP ABC**

#### **1.1.1 Sự hình thành phương pháp ABC**

Trong những năm của thập niên 1980, nhiều nhà quản trị cũng như kế toán đã không hài lòng với hệ thống tính giá truyền thống. Bên cạnh những ưu điểm, các hệ thống tính giá đó đã bộc lộ một số hạn chế dẫn đến những bất lợi trong việc ra quyết định. Có thể bàn đến hai hạn chế lớn nhất là cách lựa chọn đối tượng tập hợp chi phí và kỹ thuật phân bổ chi phí.

Để khắc phục những hạn chế đó, người ta bắt đầu nghiên cứu và ứng dụng một phương pháp tính giá thành mới gọi là phương pháp tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động (ABC).

Ngày nay, trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu mạnh mẽ, những quyết định sai lầm dựa trên thông tin chi phí không chính xác sẽ đưa doanh nghiệp rơi vào tình cảnh khó khăn trong kinh doanh. Việc cung cấp thông tin chi phí đáng tin cậy phục vụ cho việc ra quyết định trong môi trường cạnh tranh ngày nay đã trở nên cấp thiết.

### **1.1.2 Các khái niệm về phương pháp ABC**

Có rất nhiều khái niệm về phương pháp ABC, mỗi học giả nêu khái niệm với những khía cạnh khác nhau, nhưng nhìn chung phương pháp ABC là phương pháp tính giá mà việc phân bổ các chi phí gián tiếp cho sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở mức độ hoạt động tạo ra chúng.

### **1.1.3 Đặc điểm của phương pháp ABC**

Đặc điểm của phương pháp ABC là thực hiện việc phân bổ chi phí sản xuất chung gắn liền với mức độ hoạt động của đối tượng được phân bổ. Mức độ hoạt động của một đối tượng nào đó là khả năng gây ra chi phí thuộc về một hoặc một số nguyên nhân nhất định.

## **1.2 TRÌNH TỰ THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP ABC**

Nhìn chung, mô hình ABC được thực hiện thông qua các bước sau:

- Xác định các hoạt động chủ yếu
- Tập hợp chi phí cho các hoạt động
- Phân bổ chi phí vào các hoạt động
- Phân bổ chi phí các hoạt động vào các đối tượng chịu chi phí.

### **1.2.1 Xác định các hoạt động chủ yếu**

Hoạt động bao gồm sự kết hợp của nhiều công việc và được mô tả bởi những hành động liên kết với đối tượng chịu phí. Những hoạt động điển hình như: lên kế hoạch sản xuất, lắp đặt máy, mua vật tư, kiểm tra chất lượng vật tư... Các hoạt động này được xác định thông qua phân tích ban đầu, kiểm tra thực tế khu vực làm việc, thực hiện

phỏng vấn những nhân viên liên quan hoặc yêu cầu những nhân viên này mô tả việc sử dụng thời gian của nhân viên này cho những công việc gì và như thế nào? Hoặc phỏng vấn những người quản lý về công việc và khu vực làm việc của nhân viên mà họ đang quản lý. Những câu hỏi được sử dụng nhằm xác định các hoạt động, thu thập thông tin được từ những câu hỏi đã đưa ra sẽ là cơ sở cho việc xây dựng danh sách các hoạt động cũng như cung cấp thông tin hữu ích cho việc phân bổ chi phí các nguồn lực đến các hoạt động riêng biệt. Một số câu hỏi thông thường được đưa ra như:

Có bao nhiêu người làm việc trong bộ phận của bạn? Họ làm việc gì?

Nhân viên tốn bao nhiêu thời gian để thực hiện mỗi hoạt động? Bởi những thiết bị nào?

...

### **1.2.2 Tập hợp chi phí cho các hoạt động**

+ Phương pháp quy nạp trực tiếp:

Điều kiện áp dụng: Chi phí phát sinh liên quan đến một loại hoạt động.

Phương pháp: Khi chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động nào thì tập hợp trực tiếp vào hoạt động đó.

+ Phương pháp phân bổ gián tiếp:

Điều kiện áp dụng: Chi phí phát sinh liên quan đến nhiều loại hoạt động.

Phương pháp: Lựa chọn tiêu thức phù hợp, sau đó tiến hành phân bổ chi phí liên quan đến từng loại hoạt động.

### **1.2.3 Phân bổ chi phí vào các hoạt động**

Các chi phí nguồn lực được tiêu hao ở một công đoạn nếu không thể tập hợp trực tiếp vào các hoạt động sẽ được tiếp tục phân bổ đến từng hoạt động trong hệ thống ABC. Ví dụ những chi phí như điện, nước, lương...

Những chi phí nguồn lực này sẽ được phân bổ đến các hoạt động với các tiêu thức phân bổ có thể áp dụng phương pháp đo lường mức độ tiêu hao nguồn lực vào các hoạt động hay tiến hành phỏng vấn những người làm việc trực tiếp hay những người quản lý nơi chi phí phát sinh để họ cung cấp những thông tin hợp lý cho việc ước lượng chi phí tiêu hao nguồn lực cho các hoạt động khác nhau.

#### **1.2.4 Phân bổ chi phí các hoạt động vào các đối tượng chịu chi phí**

Để phân bổ chi phí các hoạt động tới các đối tượng chịu phí, đòi hỏi phải lựa chọn tiêu thức phân bổ cho chi phí các hoạt động. Có rất nhiều yếu tố tác động đến việc lựa chọn tiêu thức phân bổ phù hợp. Trước hết, phải diễn giải được mối quan hệ giữa các hoạt động và đối tượng chịu phí, phải đo lường và tính toán một cách dễ dàng và cuối cùng là việc cân nhắc chi phí của việc đo lường.

### **1.3 PHƯƠNG PHÁP ABC VỚI QUẢN TRỊ DỰA TRÊN HOẠT ĐỘNG ABM (ACTIVITY BASE MANAGEMENT)**

#### **1.3.1 Mối quan hệ ABC và ABM**

Quản trị dựa trên hoạt động (ABM) là phương pháp quản lý dựa theo kết quả của phương pháp phân bổ chi phí theo hoạt động (ABC). Đây là phương pháp quản lý mở rộng ứng dụng từ hệ thống tính toán chi phí sản phẩm, dịch vụ tới chức năng quản lý nhằm tập trung giảm thiểu chi phí và cải tiến các quy trình, cũng như nâng cao quá trình ra quyết định.

Nhà quản trị sử dụng đúng các thông tin có được từ việc áp dụng phương pháp phân bổ chi phí theo hoạt động (ABC) để định giá sản phẩm, dịch vụ, và ra quyết định về cơ cấu sản phẩm, dịch vụ phù hợp, giúp triển khai các biện pháp giảm thiểu chi phí và cải tiến quy trình. Hiểu rõ chi phí nào liên quan đến sản phẩm, dịch vụ nào giúp cho nhà quản trị phân tích tốt hơn thị trường nào cần tập trung phát triển, sản phẩm nào cần được tiến hành các phương pháp cải tiến chi



phí, đối tượng khách hàng nào cần hướng tới để có chính sách thay đổi về giá nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

### **1.3.2 Các quan điểm khác nhau về sự thành công trong việc áp dụng ABM**

Nghiên cứu của Cooper (1992) ở các doanh nghiệp khác nhau cho thấy họ đã không hành động dựa trên mô hình ABC. Cooper cho rằng nguyên nhân là do không có sự chuẩn bị cho việc thay đổi. Bản thân mô hình ABC không tạo ra sự thay đổi, vấn đề là phải chuyển đổi thông tin thành hành động. Điều này đòi hỏi một quá trình thay đổi trong tổ chức và thực hiện. Trong nghiên cứu của mình, Cooper tìm thấy rằng một dự án ABC thành công khi có sự bảo trợ hoặc định hướng của người quản trị, người có quyền tạo ra sự thay đổi.

Turney (1992) xác định mục tiêu của ABM là không ngừng gia tăng giá trị cho khách hàng và gia tăng lợi nhuận.

Theo Ted R Compton (1994) cho rằng có được thông tin chính xác từ phương pháp ABC mới chỉ là một nửa đoạn đường. Quản trị dựa trên hoạt động (ABM) bổ sung cho phương pháp ABC bằng cách sử dụng thông tin từ ABC trong việc phân tích quá trình để xác định những hoạt động không hiệu quả hoặc không tạo ra giá trị. Từ đó nhà quản trị có thể liên tục cải tiến các hoạt động.

## **1.4 ĐIỀU KIỆN VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC VÀ LIÊN HỆ VỚI CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM**

### **1.4.1 Điều kiện vận dụng phương pháp ABC**

- Khi các sản phẩm, dịch vụ có sự khác biệt lớn trong việc sử dụng các nguồn lực. Những yếu tố dẫn đến sự khác biệt trong sử dụng nguồn lực đó là: Tính đa dạng của sản phẩm, dịch vụ (các chức năng được sử dụng, các lần cần kiểm tra, quy mô đợt sản xuất...); Độ phức tạp của sản phẩm, dịch vụ; Quy trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ trải qua nhiều công đoạn, nhiều hoạt động; Sự đa dạng về đối tượng khách hàng (quy mô đơn hàng, những yêu cầu về phân phối).

- Khi nguồn lực (chi phí quản lý chung) là chi phí chiếm tỉ trọng lớn, tức là khi chi phí trực tiếp chiếm tỉ trọng không lớn trong tổng cơ cấu chi phí.

- Giá thành theo phương pháp truyền thống không đủ tin cậy trong việc làm cơ sở cho định giá từng loại sản phẩm, dịch vụ.

#### **1.4.2 Vận dụng phương pháp ABC trong các loại hình doanh nghiệp Việt Nam**

Với đặc thù từng ngành, từng doanh nghiệp, quản trị nên quan tâm tới việc phân tích hoàn cảnh thực tế ở doanh nghiệp mình để áp dụng cho phù hợp không nên áp dụng máy móc một mô hình ở những doanh nghiệp khác. Những mô hình đó chỉ nên dùng để xem xét và so sánh với mô hình hoạt động của doanh nghiệp mình, từ đó rút ra những ưu nhược điểm và các cách khắc phục khó khăn trong việc áp dụng mô hình ABC.

##### *Tóm tắt chương 1*

Chương I của luận văn đã nêu lên được sự hình thành, đặc điểm của phương pháp ABC, các quan điểm của các học giả trên thế giới về phương pháp ABC, các bước trình tự tiến hành thực hiện phương pháp ABC.

Tác giả đã nêu lên được mối quan hệ giữa phương pháp ABC với việc quản trị dựa trên hoạt động (ABM). Trong phần này, tác giả còn đưa ra điều kiện để vận dụng phương pháp ABC trong các loại hình doanh nghiệp, những khó khăn và thuận lợi trong việc áp dụng phương pháp ABC ở Việt Nam.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TÍNH GIÁ THÀNH Ở CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MDF VINAFOR GIA LAI

#### 2.1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ Ở CÔNG TY TNHH MTV MDF VINAFOR GIA LAI

##### 2.1.1 Giới thiệu về Công ty TNHH MTV MDF Vinafor Gia Lai

###### *a) Sự hình thành và phát triển*

Công ty TNHH một thành viên MDF Vinafor Gia Lai được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty MDF Gia Lai theo quyết định số 1339/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 19/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Tên giao dịch Tiếng Anh: MDF VINAFOR GIA LAI ONE MEMBER LIMITED COMPANY ( MDF VINAFOR GIA LAI Ltd.)

+ Tên giao dịch tiếng việt: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên MDF Vinafor Gia Lai.( Công ty TNHH MTV MDF Vinafor Gia Lai)

+ Trụ sở chính văn phòng công ty: Km 74, Quốc lộ 19, xã Song An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

###### *b) Ngành nghề kinh doanh*

- Trồng 17.000 ha rừng nguyên liệu Bạch đàn và Keo lai trên 6 huyện ĐăkĐoa, MangYang, An Khê, Kbang, Kongchro, Krôngpa thuộc tỉnh Gia Lai với tổng vốn đầu tư là 180 tỷ đồng, nhằm cung cấp nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất ván sợi ép của Nhà máy MDF Gia Lai theo quyết định số :104 /QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 1998 của Thủ tướng chính phủ .

- Sản xuất ván sợi ép (MDF) từ nguyên liệu trồng rừng.

### **2.1.2 Quy mô và đặc điểm hoạt động của Công ty**

#### ***a) Quy mô hoạt động kinh doanh***

#### ***b) Đặc điểm về nguyên liệu***

#### ***c) Quy trình sản xuất ván MDF tại Công ty***

Ván MDF Gia lai là sản phẩm đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam bằng thiết bị và công nghệ hiện đại nhất của Thụy Điển đạt tiêu chuẩn chất lượng của hiệp hội ván MDF Châu Âu.

Công nghệ sản xuất ván sợi ép cường độ trung bình của Công ty là công nghệ khô, hai mặt ván như nhau (S-2-S)

### **2.1.3 Cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty**

#### ***a) Khái quát bộ máy quản lý của Công ty***

#### ***b) Chức năng, nhiệm vụ trong bộ máy quản lý***

### **2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty**

#### ***a) Tổ chức bộ máy kế toán***

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Kế toán trưởng trực tiếp điều hành công tác kế toán của các phân hành kế toán và giữa các phân hành này có sự kiểm tra đối chiếu lẫn nhau.

#### ***b) Hình thức kế toán áp dụng ở Công ty***

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ kết hợp phần mềm kế toán máy để thực hiện công tác kế toán và in các sổ kế toán và báo cáo tài chính.

## **2.2 THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM VÁN MDF TẠI CÔNG TY TNHH MTV MDF VINAFOR GIA LAI**

### **2.2.1 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành ở Công ty**

- Đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm hoặc từng đơn đặt hàng (nếu đơn đặt hàng lớn cho 1 khách hàng cụ thể).

- Kỳ tính giá thành là tháng.

## **2.2.2 Kế toán chi phí sản xuất ở Công ty**

### ***a) Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm giá trị nguyên vật liệu gỗ tươi (gỗ bạch đàn, gỗ keo,...), keo và nhũ tương- wax.

Hàng tháng, căn cứ vào kế hoạch sản xuất hoặc khi phát sinh đơn đặt hàng, phòng Kế hoạch- thị trường sẽ lập định mức nguyên vật liệu cho từng sản phẩm.

Đề tập hợp chi phí NVLTT, kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho, xác định nguyên vật liệu xuất dùng cho từng đối tượng sản phẩm rồi ghi vào sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp.

Từ các phiếu xuất kho, kế toán ghi vào sổ chi tiết TK chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo từng loại sản phẩm.

### ***b) Kế toán chi phí nhân công trực tiếp***

Chi phí nhân công trực tiếp là khoản thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm như: công nhân chuẩn bị nguyên vật liệu, công nhân nghiền sợi, trải thảm, cắt,.. kể cả các tổ trưởng ở các xưởng. Ngoài ra chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản trích theo lương. Kế toán sử dụng TK 622 “ Chi phí nhân công trực tiếp” để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.

- Cuối kỳ, tiến hành phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương CNTTSX cho từng loại sản phẩm theo doanh thu

### ***c) Kế toán chi phí sản xuất chung***

Tại Công ty, chi phí sản xuất chung bao gồm:

- + Chi phí nhân viên phân xưởng.
- + Chi phí vật liệu phụ
- + Chi phí nhiên liệu
- + Chi phí vật tư, phụ tùng
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài khác
- + Chi phí khấu hao TSCĐ

### **2.2.3 Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm ở Công ty**

#### ***a) Đánh giá sản phẩm dở dang***

Công ty không đánh giá sản phẩm dở dang. Do đặc điểm sản xuất ván MDF chủ yếu nguyên liệu từ gỗ tươi, sau đó được đưa vào máy băm dăm. Và lượng băm dăm này khi đã được băm ra thì phải sản xuất hết, không để dở dang, vì nếu để dở dang sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của ván. Do đó, Công ty không đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 621, TK622, TK627 lên sổ chi tiết TK 154.

#### ***b) Tính giá sản phẩm***

Hiện nay, Công ty đang tính giá thành theo phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp).

Giá thành sản phẩm là kết quả của quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung đến từng loại ván.

**b) Tính giá sản phẩm**

Hiện nay, Công ty đang tính giá thành theo phương pháp giản đơn ( phương pháp trực tiếp).

Giá thành sản phẩm là kết quả của quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung đến từng loại ván.

**CÔNG TY TNHH MTV MDF VINAFOR GIA LAI**

**Km 74 Quốc lộ 19 – An Khê Gia Lai**

*Bảng 2.8: BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH*

Tháng 11 năm 2011

STT	Tên sản phẩm	Số lượng (m <sup>3</sup> )	CPNVLTT (đồng)	CPNCTT (đồng)	Các khoản trích theo lương (đồng)	CPSXC (đồng)	Tổng giá thành (đồng)	Giá thành đơn vị (đồng/m <sup>3</sup> )
1	MDF E2-6	284	325.028.230	291.810.000	46.331.755	701.740.618	1.364.910.603	4.806.023
2	MDF E2-9	294	321.331.030	296.296.875	47.044.153	712.530.592	1.377.202.650	4.684.363
3	MDF E2-12	135	317.633.830	129.093.750	20.496.693	310.442.849	777.667.123	5.760.497
4	MDF E2-15	329	222.713.330	352.605.750	55.984.522	847.941.390	1.479.244.991	4.496.185
5	MDF E2-17	424	313.962.830	404.019.000	64.147.594	971.579.256	1.753.708.680	4.136.105
6	MDF E2-18	300	312.101.130	310.950.000	49.370.684	747.768.223	1.420.190.037	4.733.967
Tổng giá thành hoàn thành			1.812.770.381	1.778.302.500	283.375.400	4.292.002.929	8.172.924.085	

## **2.2.4 Đánh giá công tác tính giá thành sản phẩm ở Công ty**

### ***a) Ưu điểm***

Nhìn chung, phương pháp tập hợp chi phí, tính giá thành của Công ty tuân theo qui trình của kế toán theo truyền thống.

Sản phẩm Công ty có sự khác biệt về khối lượng sản xuất, độ phức tạp của quá trình sản xuất. Sản phẩm của Công ty đa dạng có mức độ về hoạt động trợ giúp khác nhau. Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành theo phương pháp trực tiếp đối với từng loại sản phẩm. Phương pháp tính giá này ít tốn thời gian, công sức và cung cấp giá thành kịp thời cho việc lập báo cáo về giá thành của Công ty.

### ***b) Nhược điểm***

Công ty phân bổ chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung dựa trên tiêu thức là doanh thu.

Tiêu thức phân bổ được lựa chọn là không hợp lý như chi phí khấu hao, chi phí này phát sinh không có mối liên quan gì với doanh thu, nhưng phải dựa vào doanh thu để phân bổ cho từng sản phẩm. Điều này ảnh hưởng đến sự chính xác trong việc tính giá thành sản phẩm.

### ***Tóm tắt chương 2***

Luận văn đã tập trung làm rõ phương pháp tính giá thành mà Công ty đang áp dụng. Đối với chi phí sản xuất chung, Công ty đã phân bổ theo doanh thu nên xảy ra tình trạng một số loại sản phẩm có doanh thu cao nhưng chi phí sản xuất chung thực tế sử dụng lại thấp do đó giá thành sản phẩm không chính xác, ảnh hưởng đến các quyết định kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy, Công ty nên áp dụng phương pháp mới, đó là phương pháp ABC, phương pháp mới sẽ khắc phục được những nhược điểm này của Công ty.



### **CHƯƠNG 3**

## **VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC Ở CÔNG TY TNHH MTV MDF VINAFOR GIA LAI**

### **3.1 CƠ SỞ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC Ở CÔNG TY TNHH MTV MDF VINAFOR GIA LAI**

#### **3.1.1 Sự cần thiết vận dụng phương pháp ABC ở Công ty**

Công ty cần phải có sự thay đổi để đưa sản phẩm đến người tiêu dùng với chất lượng và giá thành hợp lý nhất.

Qua tìm hiểu phương pháp tính giá thành hiện tại ở Công ty, chi phí sản xuất chung trong giá thành sản phẩm được phân bổ cho từng loại sản phẩm dựa trên một tiêu thức phân bổ cố định: doanh thu. Việc phân bổ theo một tiêu thức như vậy là không phù hợp, khiến giá thành thực tế của sản phẩm bị phản ánh không chính xác.

Công ty tính giá thành theo phương pháp trực tiếp, việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành phần lớn là phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính.

Chính vì vậy mà phương pháp tính giá thành tại Công ty hiện nay không bảo đảm chính xác.

#### **3.1.2 Khả năng vận dụng phương pháp ABC ở Công ty**

Sản phẩm ván MDF sản xuất tại Công ty phức tạp, trải qua nhiều công đoạn và đòi hỏi phải chọn lọc nguyên vật liệu thật kỹ. Các sản phẩm tuy trải qua nhiều công đoạn nhưng quy trình sản xuất tạo ra sản phẩm không khác nhau nhiều, các hoạt động theo một quy trình nhất định, do đó việc sử dụng nguồn lực cũng không khác nhau nhiều, nên việc áp dụng phương pháp ABC có phần đơn giản. Nhưng qua phương pháp ABC được vận dụng sẽ bảo đảm cho giá thành từng loại sản phẩm được chính xác hơn.

### **3.2 TỔ CHỨC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC Ở CÔNG TY TNHH MTV MDF VINAFOR GIA LAI**

#### **3.2.1 Xác định các hoạt động**

Dựa vào quy trình sản xuất của Công ty, có thể phân chia quá trình sản xuất thành các hoạt động sau:

- + Hoạt động nhập gỗ
- + Hoạt động rửa dăm
- + Hoạt động nghiền sợi, p.keo
- + Hoạt động trải thảm
- + Hoạt động ép nhiệt
- + Hoạt động cắt, phân loại
- + Hoạt động đóng gói
- + Hoạt động băm dăm
- + Hoạt động hấp dăm, phun wax
- + Hoạt động sấy
- + Hoạt động ép sơ bộ
- + Hoạt động làm nguội
- + Hoạt động chà nhám
- + Hoạt động hỗ trợ sản xuất chung

#### **3.2.2 Xác định các nguồn lực sử dụng**

##### ***a) Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty được tập hợp riêng cho từng loại sản phẩm cụ thể không cần phân, căn cứ vào phiếu xuất kho để xác định nguyên vật liệu xuất dùng sau đó lập bảng tính chi phí NVL cho từng loại sản phẩm.

##### ***b) Kế toán chi phí nhân công trực tiếp***

Đây chuyên sản xuất của Công ty được tự động hóa gần như hoàn toàn. Do đó định mức về giờ công lao động/m<sup>3</sup> do phòng kỹ thuật cung cấp.

##### ***c) Kế toán chi phí sản xuất chung***

Chi phí nhân viên phân xưởng:

Chi phí khấu hao TSCĐ:

Chi phí vật liệu phụ, vật tư, phụ tùng:

Chi phí nhiên liệu, điện, nước

Chi phí bằng tiền khác

Dựa vào phân tích trên, ma trận chi phí- hoạt động gọi tắt là EAD ( Expense-Activity-Dependence) được thiết lập.

**Bảng 3.9: BẢNG HỆ SỐ TỶ LỆ MA TRẬN EAD**

Tháng 11 năm 2011

Hoạt động Chi phí (i) (j)	HĐ nhập gỗ	HĐ bấm dăm	HĐ rửa dăm	HĐ hấp dăm	HĐ nghiền sợi	HĐ sấy sợi	HĐ trái thảm	HĐ ép sơ bộ	HĐ ép nhiệt	HĐ làm nguội	HĐ cắt, PL	HĐ chà nhám	HĐ đóng gói	HĐ hỗ trợ chung
Vật liệu phụ												43%	57%	
Vật tư, phụ tùng														100%
Khấu hao TSCĐ	2,49%	2,18%	0,56%	2,93%	2,06%	5,15%	5,98%	1,78%	5,26%	4,83%	2,64%	3,34%	2,92%	57,85%
Nhiên liệu														100%
Điện	5,88%	8,82%	2,84%	6,60%	22,35%	5,88%	1,96%	2,74%	7,84%	6,86%	7,84%	9,02%	0,98%	10,39%
Chi phí bằng tiền khác														100%

Để tính được giá trị bằng tiền của từng hoạt động đối với từng nhóm chi phí, tác giả đã áp dụng công thức sau:

$$TCA (i) = \sum Chi\ phí (j) \times EAD (i,j)$$

Với: TCA (i) = Tổng chi phí của hoạt động i

Chi phí (j) = Giá trị bằng tiền của nhóm chi phí j

EAD (i,j) = Hệ số tỉ lệ ở ô (i,j) của ma trận EAD

Áp dụng công thức trên có số liệu bảng ma trận chi phí – hoạt động như sau:

**Bảng 3.10: BẢNG GIÁ TRỊ BẰNG TIỀN MA TRẬN EAD**

Tháng 11 năm 2011

ĐVT: đồng

Hoạt động / Chi phí	HD nhập gỗ	HD băm dăm	HD rửa dăm	HD hấp dăm	HD nghiền sợi	HD sấy sợi	HD trải thảm	HD ép sơ bộ	HD ép nhiệt	HD làm nguội	HD cắt, PL	HD chà nhám	HD đóng gói	HD hỗ trợ chung
Vật liệu phụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	211.111.714	279.845.760	-
Vật tư, phụ tùng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	279.958.000
Khấu hao TSCĐ	7.683.500	6.714.226	1.729.167	9.034.700	6.345.000	15.876.300	18.423.500	5.487.600	16.215.300	14.876.000	8.134.600	10.302.500	9.005.130	178.177.477
Nhiên liệu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1754.596.820
Điện	51.982.061	77.973.092	25.124.663	58.379.320	197.531.832	51.982.061	17.327.354	24.258.295	69.309.415	60.645.738	69.309.415	79.705.827	8.663.677	91.807.251
Chi phí bằng tiền khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.700.000
Tổng chi phí	59.665.561	84.687.318	26.853.830	67.414.020	203.876.832	67.858.361	35.750.854	29.745.895	85.524.715	75.521.738	77.444.015	301.120.041	297.514.567	2.405.239.548

**3.2.3 Lựa chọn nguồn phát sinh chi phí**

Để xác định các số liệu liên quan đến nguồn phát sinh chi phí của các sản phẩm đối với từng hoạt động.

Các số liệu này được lấy từ:

- Định mức nguyên vật liệu: Bảng nhu cầu nguyên vật liệu theo định mức
- Giờ công lao động: Bảng định mức giờ công từng loại sản phẩm
- Số lượng sản phẩm: Kế hoạch sản xuất sản phẩm trong tháng
- Doanh thu: Dựa trên đơn giá của tháng trước và số lượng sản phẩm cần sản xuất trong tháng.



Để tính được giá trị bằng tiền của từng hoạt động đối với từng nhóm chi phí, áp dụng công thức sau:

$$\text{OCP (i)} = \sum \text{TCA (j)} \times \text{APD (i,j)}$$

Với: OCP (i) = Chi phí chung của sản phẩm I, TCA (j) = Giá trị bằng tiền của hoạt động j

APD (i,j) = Tỷ lệ ở ô (i,j) của ma trận APD

**Bảng 3.15: BẢNG GIÁ TRỊ BẰNG TIỀN MA TRẬN APD**

Tháng 11 năm 2011

DVT: đồng

Hoạt động Sản phẩm	HD nhập gỗ	HD băm dăm	HD rửa dăm	HD hấp dăm	HD nghiền sợi	HD sấy sợi	HD trải thảm	HD ép sơ bộ	HD ép nhiệt	HD làm ngươi	HD cắt	HD chà nhám	HD đóng gói	HD hỗ trợ chung
Ván E2-E6	10.004.393	13.619.025	2.548.838	5.377.972	28.898.493	8.077.022	4.846.416	3.969.847	8.736.429	6.955.563	12.454.190	48.424.740	47.844.925	478.269.722
Ván E2-E9	9.993.258	14.098.568	2.639.868	8.351.006	29.916.045	8.361.424	5.017.065	4.109.630	9.044.049	7.200.477	12.892.718	50.129.837	49.529.605	485.623.604
Ván E2-E12	9.982.122	6.473.832	2.457.808	3.834.646	16.484.352	5.375.201	2.303.754	1.887.075	4.983.456	4.628.878	5.920.126	23.018.803	22.743.186	211.581.618
Ván E2-E15	9.752.725	15.776.969	6.007.975	15.575.290	40.172.975	13.099.565	11.228.669	4.598.872	18.217.300	17.726.889	14.427.566	56.097.675	55.425.987	57.947.242
Ván E2-E17	9.968.759	20.332.629	7.737.544	20.072.714	51.773.075	19.293.844	7.235.495	8.890.221	26.086.238	22.845.595	18.593.580	72.296.091	71.430.451	662.177.631
Ván E2-E18	9.964.305	14.386.294	5.461.796	14.202.392	36.631.892	13.651.305	5.119.454	6.290.250	18.457.244	16.164.336	13.155.835	51.152.895	50.540.413	509.639.731
Tổng nguồn phát sinh chi phí	59.665.561	84.687.318	26.853.830	67.414.020	203.876.832	67.858.361	35.750.854	29.745.895	85.524.715	75.521.738	77.444.015	301.120.041	297.514.567	2.405.239.548

### 3.2.5 Tính giá thành sản phẩm

Chi phí	Ván MDF E2-6		Ván MDF E2-9		Ván MDF E2-12		Ván MDF E2-15		Ván MDF E2-17		Ván MDF E2-18	
	Tổng Z	Z đơn vị (đ/m <sup>3</sup> )	Tổng Z	Z đơn vị (đ/m <sup>3</sup> )	Tổng Z	Z đơn vị (đ/m <sup>3</sup> )	Tổng Z	Z đơn vị (đ/m <sup>3</sup> )	Tổng Z	Z đơn vị (đ/m <sup>3</sup> )	Tổng Z	Z đơn vị (đ/m <sup>3</sup> )
Nguyên vật liệu trực tiếp	325.028.230	1.144.466	321.331.030,00	1.092.963	317.633.830	2.352.843	222.713.330,0	676.940	313.962.830	740.478	312.101.130	1.040.337
Nhân công trực tiếp	245.831.693	865.605	262.591.692,00	893.169	141.412.490	1.047.500	424.430.431,0	1.290.062	582.051.604	1.372.763	411.832.866	1.372.776
Chi phí sản xuất chung	736.344.049	2.592.761	757.063.394	2.575.046	354.070.564	2.622.745	433.287.024	1.316.982	1.169.874.239	2.759.137	849.163.534	2.830.545
Trong đó: CP NVPX	56.316.474	198.297	60.156.239,00	204.613	32.395.707	239.968	97.231.325,0	295.536	133.340.224	314.482	94.345.392	314.485
Hoạt động nhập gỗ	10.004.393	35.227	9.993.258	33.991	9.982.122	73.942	9.752.725	29.644	9.968.759	23.511	9.964.305	33.214
Hoạt động băm dăm	13.619.025	47.954	14.098.568,00	47.954	6.473.832	47.954	15.776.969,0	47.954	20.332.629	47.954	14.386.294	47.954
Hoạt động rửa dăm	2.548.838	8.975	2.639.868,00	8.979	2.457.808	18.206	6.007.975,0	18.261	7.737.544	18.249	5.461.796	18.206
Hoạt động hấp dăm	5.377.972	18.937	8.351.006,00	28.405	3.834.646	28.405	15.575.290,0	47.341	20.072.714	47.341	14.202.392	47.341
Hoạt động nghiền sợi	28.898.493	101.755	29.916.046,00	101.755	16.484.352	122.106	40.172.975,0	122.106	51.773.075	122.106	36.631.892	122.106
Hoạt động sấy sợi	8.077.022	28.440	8.361.424,00	28.440	5.375.201	39.816	13.099.565,0	39.816	36.631.892	86.396	13.651.305	45.504
Hoạt động trải thảm	4.846.416	17.065	5.017.065,00	17.065	2.303.754	17.065	11.228.669,0	34.130	7.235.495	17.065	5.119.454	17.065
Hoạt động ép sơ bộ	3.969.847	13.978	4.109.630,00	13.978	1.887.075	13.978	4.598.872,0	13.978	8.890.221	20.968	6.290.250	20.968
Hoạt động ép nhiệt	8.736.429	30.762	9.044.049,00	30.762	4.983.456	36.914	18.217.300,0	55.372	26.086.238	61.524	18.457.244	61.524
Hoạt động làm nguội	6.955.563	24.491	7.200.477,00	24.491	4.628.878	34.288	17.726.889,0	53.881	22.845.595	53.881	16.164.336	53.881
Hoạt động cắt, phân loại	12.454.190	43.853	12.892.718,00	43.853	5.920.126	43.853	14.427.566,0	43.853	18.593.580	43.853	13.155.835	43.853
Hoạt động chà nhám	48.424.740	170.510	50.129.837,00	170.510	23.018.803	170.510	56.097.675,0	170.510	72.296.091	170.510	51.152.895	170.510
Hoạt động đóng gói	47.844.925	168.468	49.529.605,00	168.468	22.743.186	168.468	55.425.987,0	168.468	71.430.451	168.468	40.540.413	135.135
Hoạt động hỗ trợ chung	478.269.722	1.684.048	485.623.604,00	1.651.781	211.581.618	1.567.271	57.947.242,0	176.131	662.639.731	1.562.830	509.639.731	1.698.799
Tổng	1.307.203.972	4.602.831	1.340.986.116	4.561.177	813.116.884	6.023.088	1.080.430.784,6	3.283.984	2.065.888.673	4.872.379	1.573.097.530	5.243.658

*So sánh giá thành theo phương pháp ABC và giá thành theo phương pháp hiện tại của Công ty*

**Bảng 3.17: BẢNG GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO HAI PHƯƠNG PHÁP**

ĐTV: đồng/m<sup>3</sup>

Sản phẩm	Phương pháp hiện tại của Công ty	Phương pháp ABC	Chênh lệch
Ván MDF E2-6	4.806.023	4.602.831	+ 203.192
Ván MDF E2-9	4.684.363	4.561.177	+ 123.186
Ván MDF E2-12	5.760.497	6.023.088	- 262.591
Ván MDF E2-15	4.496.185	3.283.984	+ 1.212.201
Ván MDF E2-17	4.136.105	4.872.379	- 736.274
Ván MDF E2-18	4.733.967	5.243.658	- 509.691

Kết quả cho thấy giá thành sản phẩm giữa 2 phương pháp là khác nhau như ván MDF E2-6, MDF E2-9, MDF E2-15 theo phương pháp tính giá ABC đều thấp hơn so với cách tính truyền thống của Công ty. Chẳng hạn, sản phẩm ván MDF E2-6 nếu áp dụng theo phương pháp ABC thì giá thành thấp hơn 203.192 đ/m<sup>3</sup> so với cách tính truyền thống. Điều đó có nghĩa với việc áp dụng phương pháp tính giá truyền thống thì sản phẩm này phải chịu với mức giá thành cao hơn là 203.192 đ/m<sup>3</sup> và sẽ ảnh hưởng đến tính chính xác về giá thành của các sản phẩm khác. Bởi vì, phương pháp tính giá hiện tại của Công ty là phân bổ dựa vào doanh thu, thì những sản phẩm có doanh thu cao hơn tất yếu phải gánh chịu nhiều chi phí hơn những sản phẩm có doanh thu thấp.

Trong khi đó giá thành của sản phẩm ván MDF E2-12, MDF E2-17, MDF E2-18 khi áp dụng phương pháp ABC lại cao hơn so với cách tính hiện tại của Công ty. Phương pháp tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động dựa vào sản phẩm sản xuất cần các hoạt động nào?



Nguồn phát sinh chi phí nào? Nên những sản phẩm có qui trình sản xuất phức tạp và càng tiêu dùng nhiều nguồn chi phí thì sản phẩm đó phải gánh chịu nhiều chi phí sản xuất chung hơn.

### **3.2.6 Phương pháp ABC với việc quản trị dựa trên hoạt động ở Công ty**

#### **a) Sử dụng ABM để cắt giảm chi phí**

*Bước 1: Xác định các cơ hội chủ yếu để giảm chi phí:*

*Bước 2: Xác định nguyên nhân chính phát sinh chi phí cho các hoạt động*

*Bước 3: Xây dựng một chương trình để giảm chi phí*

*Bước 4: Thuộc đo sự thể hiện của việc giảm trừ chi phí*

#### **b) Sử dụng ABM để cải thiện các khía cạnh khác của hoạt động**

##### *Tóm tắt chương 3*

Với đặc điểm quy trình sản xuất sản phẩm qua nhiều công đoạn như nhập gỗ vào máy tạo thành dăm, băm dăm, rửa dăm, nghiền sợi,... đóng gói. Tác giả đã vận dụng phương pháp ABC vào Công ty. Với việc quan sát trực tiếp tại xưởng sản xuất, phân tích những điều kiện thuận lợi và tìm ra nguồn sinh phí cho các hoạt động. Từ đó, lựa chọn tiêu thức phân bổ để tiến hành phân bổ chi phí cho các hoạt động vào từng loại sản phẩm. Tác giả đã vận dụng phương pháp ABC vào Công ty và so sánh kết quả giữa phương pháp ABC và phương pháp tính giá thành hiện tại ở Công ty. Ngoài ra, với việc áp dụng phương pháp ABC đã tạo ra cơ sở cho công tác quản trị dựa trên các hoạt động, bảo đảm mang lại hiệu quả tốt hơn cho Công ty.

## KẾT LUẬN

Với hệ thống kế toán chi phí theo phương pháp tính giá ABC, theo nhận định của tác giả thì đây là phương pháp sẽ mang lại hiệu quả tốt cho Công ty trong công tác kiểm soát chi phí và cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra quyết định.

Với số liệu tính toán lại giá thành theo phương pháp ABC có thể thấy sản phẩm khác nhau về độ phức tạp có sự chênh lệch số liệu giữa 2 phương pháp. Điều này giúp Công ty có đánh giá xác đáng hơn về mức đóng góp của các sản phẩm mang lại. Như vậy, phương pháp tính giá ABC đã giúp Công ty khắc phục hạn chế hiện tại trong công tác kế toán chi phí và giúp nhà quản lý Công ty không những xác định đúng chi phí tính giá cho sản phẩm mà còn giúp Công ty có thể đánh giá được hiệu quả của sản phẩm mang lại từ đó có thể đưa ra quyết định, chính sách phù hợp nhằm nâng cao doanh thu tiêu thụ...

Khi sử dụng phương pháp ABC đòi hỏi cao về thu thập và xử lý thông tin, từ đó phục vụ cho quá trình phân tích hoạt động của Công ty.

Đề tài còn một số hạn chế và khó khăn trong việc thực hiện:

- Thông tin chi phí của Công ty chưa được tổ chức cho phù hợp với phương pháp ABC, nên việc tiếp cận và xử lý, tập hợp các chi phí dựa trên hoạt động tiêu dùng rất khó, tác giả đã mất nhiều thời gian để tổ chức và thiết kế lại nên đôi lúc không tránh những sai sót xảy ra.

- Các tài liệu chủ yếu là sách nước ngoài nên tác giả chưa thể tiếp cận phương pháp này một cách rành mạch và có hệ thống.

- Tính giá thành theo phương pháp ABC ở các doanh nghiệp trong nước còn ít áp dụng, nên còn gặp nhiều khó khăn khi tham khảo thực tế, học hỏi kinh nghiệm về cách tính giá này tại các doanh nghiệp.